TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2022/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 18 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa:

-Nguyên đơn: Chị Thạch Thị TN, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

-Bị đơn**:** Anh Thạch HL, sinh năm 1990.

Địa chỉ:Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sư năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị TN và anh Thạch HL.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị TN và anh Thạch HL thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Thạch Tr, sinh ngày 19/4/2015 chị Thạch Thị TN và anh Thạch HL tự thỏa thuận thống nhất giao con cho chị TN tiếp tục nuôi dưỡng (đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr được ở với mẹ là chị TN), chị TN tự nguyện không yêu cầu anh HL cấp dưỡng nuôi con.

Bên không không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với

bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị TN và anh Thạch HL thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Thạch Thị TN và anh Thạch HL mỗi người nộp 75.000 đ. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị TN đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009804 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C thì chị TN đã nộp xong tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000 đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho anh Thạch HL vì anh HL là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-THA huyện Trà Cú;
-Các đương sự;
- UBND xã;
-Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Thanh